

Số: /BC-UBND

Ngọc Liên, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Công văn số 2575/TTTH-VP ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa về báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 6 tháng năm 2026. UBND xã Ngọc Liên Báo cáo Thanh tra tỉnh kết quả thực hiện như sau:

Phần I

VỀ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã cơ bản ổn định. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Tổng số đơn thư tiếp nhận chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai, giải quyết thủ tục hành chính và các kiến nghị, phản ánh của công dân. Trong kỳ phát sinh:

- 02 vụ việc khiếu nại thuộc lĩnh vực đất đai;
- 01 vụ việc tố cáo liên quan đến lĩnh vực đất đai;
- 28 đơn kiến nghị, phản ánh.

Các vụ việc phát sinh đều được tiếp nhận, xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật, không phát sinh điểm nóng, khiếu kiện đông người hoặc vượt cấp.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo:

Do làm tốt công tác tuyên truyền vận động các chủ trương đường lối chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước đến với cán bộ Đảng viên và nhân dân, các chế độ quyền lợi đều được công khai minh bạch, do vậy công tác khiếu nại tố cáo cũng đã hạn chế.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1 Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân:

Việc thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định. Từ 20/11/2025 đến ngày 14/06/2026 thời điểm báo cáo, cá nhân, tổ chức đến để khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh.

Tổng số lượt tiếp, số người được tiếp: 31 lượt; số vụ việc (tiếp lần đầu: 29 lượt, tiếp nhiều lần: 02 lượt);.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân:

- Phân loại theo nội dung (tổng số đơn, số vụ việc);

+ Khiếu nại: 2 đơn.

+ Tố cáo: 1 đơn

+ Phản ánh, kiến nghị: 28 đơn

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết; 29

+ Thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 29.

+ Không thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 02.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD):

a) Tổng số đơn:

Kỳ trước chuyển sang: (Không).

Tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 31 đơn.

Số đơn đã xử lý/Tổng số đơn đã tiếp nhận: 31 đơn.

Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý: 29 đơn,

b) Phân loại, xử lý đơn:

- Phân loại theo nội dung:

Số đơn, số vụ việc khiếu nại; 2 đơn.

Số đơn, số vụ việc tố cáo; 1 đơn.

Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh; 28 đơn.

- Phân loại theo tình trạng giải quyết: 31 đơn.

Số đơn, số vụ việc đã giải quyết; 31 đơn.

Số đơn, số vụ việc đang giải quyết; 7 đơn.

Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: (Không đơn).

c) Kết quả xử lý đơn:

Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền; 29 đơn.

Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 2 đơn

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQQQ, 02/KQQQ, 03/KQQQ, 04/KQQQ):

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQQQ, 02/KQQQ):

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra:

(Không có).

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: (Không có).

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện, số quyết định đã thực hiện xong; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: (Không có).

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ):

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: (Không có)

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm: (Không có).

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: (Không có).

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm: (Không có).

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh

Tổng số vụ việc/nội dung kiến nghị, phản ánh số vụ việc/nội dung đã giải quyết; 01 nội dung phản ánh chậm trả hồ sơ cho công dân

d) Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai của Hội đồng hòa giải:

Hòa giải thành: (Không có).

Hòa giải không thành: (Không có).

Đang xác minh hòa giải (nếu có): (Không có).

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có):

Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo); trong đó: Số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm: (Không có).

5. Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Tỉnh: (Không có).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.

1. Ưu điểm:

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Người đứng đầu UBND xã duy trì tốt chế độ tiếp công dân định kỳ; các phản ánh, kiến nghị của công dân được tiếp nhận và xử lý kịp thời.

Việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong giải quyết đơn thư ngày càng chặt chẽ. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được quan tâm thực hiện,

góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân.

Tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn cơ bản ổn định, không phát sinh điểm nóng, không có vụ việc phức tạp kéo dài.

2. Tồn tại, hạn chế:

Một số vụ việc liên quan đến đất đai cần nhiều thời gian xác minh, thu thập hồ sơ nên tiến độ xử lý còn chậm.

Công tác tuyên truyền pháp luật có lúc, có nơi hiệu quả chưa cao; năng lực tham mưu giải quyết đơn thư của một số cán bộ còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

Hệ thống hồ sơ đất đai qua nhiều thời kỳ còn thiếu đồng bộ; một số người dân chưa nắm vững các quy định của pháp luật dẫn đến phát sinh kiến nghị, phản ánh.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trên địa bàn dự báo vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, có khả năng phát sinh và gia tăng ở một số lĩnh vực trọng tâm. Nội dung đơn thư chủ yếu tập trung vào các vấn đề như: quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp đất đai, giải phóng mặt bằng, thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội; công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; giải quyết thủ tục hành chính và việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

Một số vụ việc khiếu nại, có thể kéo dài, vượt cấp hoặc tập trung đông người nếu không được giải quyết kịp thời, dứt điểm ngay từ cơ sở. Các thông tin chưa được kiểm chứng trên mạng xã hội cũng có thể tác động đến tâm lý người dân, làm phát sinh đơn thư kiến nghị, phản ánh...

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về: Luật Thanh tra; Luật tiếp công dân; Luật Khiếu nại, Tố cáo Luật Phòng, chống tham nhũng. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo Thông tư số 06/2025/TT-TTCT ngày 29/9/2025 của Thanh tra Chính phủ về quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục quán triệt chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc có hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, các văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: (Không có).

Phần II

VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG.

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của

pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng.

Triển khai thực hiện kế hoạch số 51/KH-UBND xã ngày 11/3/2026 về công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước tại cơ quan

Tổ chức phổ biến tuyên truyền quán triệt Luật phòng, chống tham nhũng, các văn bản hướng dẫn thi hành và những văn bản pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, chương trình hành động và kế hoạch phòng, chống tham nhũng của các cơ quan chủ yếu long ghép qua các hội nghị

Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ; chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung Ương về phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và UBND tỉnh, thanh tra tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng.

Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: (Không có).

Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng: (Không có).

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Tổ chức hội nghị và thông qua nghị quyết hội nghị của cơ quan, qua đó đã công khai tài chính đến tập thể cán bộ trong cơ quan.

- Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

Tiếp tục quán triệt đến tập thể cơ quan trong các cuộc họp UBND các nguyên tắc ứng xử về thực hiện quy chế văn hóa công sở, quy định những điều cán bộ Đảng viên không được làm.

- Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ:

Công khai quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, hợp đồng lao động, thi tuyển, xét tuyển ; tiếp nhận, chuyển chuyển, điều động cán bộ công chức, chế độ chính sách, nâng bậc lương, đánh giá xếp loại thi đua của tập thể và cá nhân.

- Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

- Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm và được bộ phận tham mưu niêm yết công khai.

Triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập theo đúng quy định của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan là 13 đồng chí.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng tại cơ quan, tổ chức:

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo: (Không có).

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, thuộc phạm vi quản lý: (Không có).

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: (Không có).

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: (Không có).

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...): (Không có).

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: (Không có).

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: (Không có).

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): (Không có).

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: (Không có).

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng: (Không có).

Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được: (Không có).

Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: (Không có).

Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: (Không có).

Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: (Không có).

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu: (Không có).

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: (Không có).
- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: (Không có).
- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: (Không có).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG.

1. Đánh giá tình hình:

Thực hiện công tác phòng chống tham nhũng là một nhiệm vụ thường xuyên do đó hàng tháng, hàng quý UBND xã Ngọc Liên đã quán triệt triển khai đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị do đó không phát sinh hành vi tham nhũng tại cơ quan, đơn vị.

So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Không phát sinh.

2. Dự báo tình hình tham nhũng:

Trong thời gian tới, tình hình tham nhũng trên địa bàn dự báo tiếp tục được kiềm chế nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp và việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Tuy nhiên, nguy cơ phát sinh các hành vi tham nhũng, tiêu cực vẫn còn tiềm ẩn ở một số lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm. Các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tham nhũng, tiêu cực như: quản lý đất đai, tài nguyên; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; mua sắm công; giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội và công tác tuyển dụng, bố trí cán bộ, công chức, viên chức...

Tuy nhiên, với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tình hình tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn được dự báo sẽ tiếp tục được kiểm soát hiệu quả, không để phát sinh các vụ việc tham nhũng tại địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của, địa phương.

Tập thể cơ quan luôn nâng cao tinh thần và thái độ làm việc, tăng cường nhận thức về trách nhiệm và quyền lợi của mình, góp phần thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn tài chính, thực hiện tiết kiệm có hiệu quả.

Cơ quan thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu,

công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, quản lý sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ, định mức quy định theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí nên không phát sinh hành vi tham nhũng tại cơ quan.

2. So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước:

Công tác phòng, chống tham nhũng tại cơ quan luôn có hiệu quả.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng:

Các cơ quan đơn vị phải chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong công tác phòng, chống tham nhũng.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng: (Không có).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp:

a) Phương hướng trong thời gian tới:

- Đẩy mạnh biện pháp thực hiện tiết kiệm, phòng chống lãng phí tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý đi đôi với việc nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý nhà nước, sử dụng tài sản công.

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền việc thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tập trung vào công tác quản lý việc sử dụng ngân sách trong các lĩnh vực mua sắm tài sản công; đầu tư xây dựng cơ bản. Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính tại cơ quan.

b) Những nhiệm vụ cụ thể phải thực hiện:

- Tăng cường công tác kiểm tra đối với các lĩnh vực của các bộ phận thuộc cơ quan, gắn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với công tác phòng, chống tham nhũng và công tác cải cách hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường các hình thức tiếp nhận thông tin phát hiện lãng phí và nghiêm túc xử lý các thông tin phát hiện lãng phí theo quy định.

c) Giải pháp để thực hiện nhiệm vụ và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng trong các cuộc họp hội đồng đến viên chức của cơ quan. Ngoài việc đã được phổ biến, tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức cần chủ động tìm hiểu thêm trên các phương tiện thông tin truyền thông hiện có về pháp luật phòng chống tham nhũng, từ đó nâng cao nhận thức và tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện.

2. Kiến nghị, đề xuất:

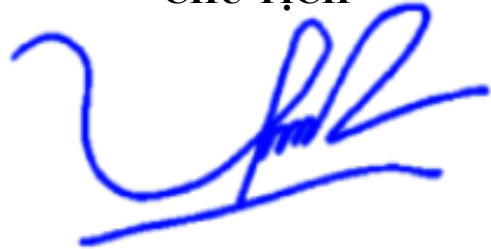
- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm quản lý phục vụ công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư.
- Hướng dẫn nghiệp vụ đối với chính quyền cơ sở nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

UBND xã Ngọc Liên kính báo cáo Thanh tra tỉnh kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của UBND xã Ngọc Liên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra tỉnh (để b/c);
- TT Đảng ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Thị Hà

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 14/06/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ngàytháng.....năm..... của)

[illegible]

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 14/06/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ngàytháng.....năm..... của)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 14/06/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ngàytháng.....năm..... của)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc khiếu nại theo nội dung							Phân loại vụ việc khiếu nại theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý đơn						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn				
	Tổng số	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết			Chưa giải quyết xong	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền								
									Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác								Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của TAND	Tổng	Lần đầu	Lần 2			Tổng	Hướng dẫn	Đơn đốc giải quyết	
NL	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9 = 10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26					
	2	0	2	2	0	2	0	0	2	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2		0					
																			0				2								

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 14/06/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm của)

[illegible]

Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 22/11/2025 đến....ngày 14/06/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

[illegible]

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm của)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

[illegible]

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện trong xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Đã xử lý hành chính		Đã khôi tổ		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả		Đã trả		Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền	Đất (m ²)	Tiền	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân					

[illegible]

Biểu số: 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 20/11/2025 đến....ngày 14/06/2026

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

[illegible]

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

[illegible]